TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 1964/2023/DS-ST
Ngày: 20/6/2023
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Ngọc Khánh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Tiến Dũng
2. Bà Nguyễn Thị Hương

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Thanh Phượng - Kiểm sát viên.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huyền – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 20 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 861/2022/TLST-DS ngày 19/10/2022, về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1878/2023/QĐXXST-DS ngày 25/4/2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 2617/2023/QĐST-DS ngày 24/5/2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần SGTT
Trụ sở: số 266-268 đường NKKN, phường VTS, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền:

Công ty TNHH Một thành viên SGTT
Trụ sở: số 278 đường NKKN, phường VTS, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người được ủy quyền lại: Ông Nguyễn Minh W, sinh năm: 1973
Địa chỉ: số 278 đường NKKN, phường VTS, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Ông Nguyễn Hữu Hoàng H, sinh năm: 1973
Địa chỉ: số nhà 07 Đường T, Khu phố H, phường LĐ, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ông W có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Ông H vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 06 tháng 7 năm 2022 của nguyên đơn và lời trình bày của người đại diện theo ủy quyền ông Nguyễn Minh W:

Ngày 15/5/2008, ông Nguyễn Hữu Hoàng H nộp hồ sơ đề nghị Ngân hàng Thương mại Cổ phần SGTT (gọi tắt là Ngân hàng) cấp thẻ tín dụng với mục đích tiêu dùng cá nhân. Sau khi xem xét đề nghị của ông H, Ngân hàng căn cứ vào điều kiện, mức thu nhập của ông H đồng ý ký kết hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế cùng ngày với nội dung ngân hàng cấp thẻ tín dụng quốc tế cho ông H, loại thẻ Visa Gold, hạn mức sử dụng 50.000.000 đồng; mục đích tiêu dùng cá nhân; lãi suất 2.10 %/tháng, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn; thời hạn sử dụng thẻ là 3 năm (từ tháng 6/2008 đến tháng 6/2011). Ông H đã nhận thẻ và thực hiện các giao dịch tính đến ngày 31/01/2011 với tổng số tiền 162.439.400 đồng và đã thanh toán 162.145.000 đồng. Số tiền ông H thanh toán được ngân hàng trừ vào các khoản phí, tiền lãi suất và tiền gốc nên còn dư nợ gốc 38.224.772 đồng. Ngân hàng đã chấm dứt hoạt động thẻ tín dụng của ông H và chuyển toàn bộ số tiền nợ gốc thành nợ quá hạn. Đến nay Ngân hàng yêu cầu ông H phải thanh toán số tiền 200.579.264 đồng, trong đó dư nợ gốc 38.224.772 đồng và nợ lãi quá hạn tạm tính đến ngày 06/7/2022 là 162.354.492 đồng.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt thông báo thụ lý vụ án cho ông Nguyễn Hữu Hoàng H, đồng thời triệu tập ông H đến trụ sở Tòa án để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông H vắng mặt.

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu ông H phải thanh toán số tiền 216.646.236 đồng, trong đó dư nợ gốc 38.224.772 đồng và nợ lãi quá hạn tính đến ngày 20/6/2023 là 178.421.464 đồng. Bị đơn ông Nguyễn Hữu Hoàng H đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do. Vì vậy Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Tòa án đã thực hiện các trình tự, thủ tục theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn có trách nhiệm thanh toán cho nguyên đơn số tiền nợ 216.646.236 đồng (gồm tiền nợ gốc 38.224.772 đồng và tiền lãi 178.421.464 đồng) theo thỏa thuận tại hợp đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết và thủ tục tố tụng:

Quan hệ tranh chấp giữa các đương sự là "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Bị đơn ông Nguyễn Hữu Hoàng H đăng ký hộ khẩu thường trú tại số nhà 07 Đường T, Khu phố H, phường LĐ, quận T (nay là thành phố T), Thành phố Hồ Chí Minh. nhưng từ năm 2012 ông H không còn cư trú tại địa phương. Xét thấy đây là địa chỉ khi tiến hành giao dịch vay tài sản bị đơn cung cấp cho nguyên đơn nên căn cứ điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, trường hợp bị đơn thay đổi nơi ở mà không thông báo cho nguyên đơn thì được coi là cố tình giấu địa chỉ, Tòa án tiếp tục giải quyết vụ án theo thủ tục chung. Vì vậy, căn cứ địa chỉ ghi trên hợp đồng, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Bị đơn đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng vắng mặt. Phía đại diện nguyên đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung:

Căn cứ lời khai của phía nguyên đơn cùng Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng và hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế ngày 15/5/2008 do nguyên đơn cung cấp có cơ sở xác định vào ngày 15/5/2008 bị đơn có đề nghị nguyên đơn cấp thẻ tín dụng với mục đích tiêu dùng. Sau khi xem xét nguyện vọng, điều kiện của bị đơn, nguyên đơn đã phê duyệt đồng ý cấp thẻ tín dụng hạn mức 50.000.000 đồng cho bị đơn sử dụng.

Quá trình Tòa án giải quyết vụ án, bị đơn không đến Tòa án để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, không giao nộp chứng cứ chứng minh về việc đã thanh toán đầy đủ cho nguyên đơn số tiền bị đơn giao dịch bằng thẻ tín dụng. Tòa án cũng không nhận được văn bản trình bày ý kiến của bị đơn đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ lời khai của phía nguyên đơn và hồ sơ đề nghị cấp thẻ tín dụng của bị đơn, bản tóm tắt sao kê ngày 20/6/2023 do nguyên đơn cung cấp để xác định bị đơn đã nhận thẻ tín dụng và thực hiện giao dịch, bị đơn đã có giao dịch bằng thẻ tín dụng nhiều lần với tổng số tiền 162.439.400 đồng trong thời gian từ ngày 31/7/2008 đến ngày 31/01/2011. Sau các lần giao dịch, từ ngày 31/7/2008 đến ngày 31/3/2011 bị đơn đã thanh toán cho nguyên đơn

tổng số tiền 162.145.000 đồng. Trong tổng số tiền bị đơn thanh toán, nguyên đơn đã trừ vào các khoản phí và lãi suất tính đến ngày 20/6/2023 là 124.214.618, còn lại dư nợ gốc: 38.224.782 đồng.

Từ ngày 30/4/2011 bị đơn ngừng thanh toán nên phát sinh phí trễ hạn và tiền lãi suất trong hạn. Từ ngày 31/7/2011 nguyên đơn đã chuyển toàn bộ dư nợ gốc của bị đơn sang nợ quá hạn và áp dụng lãi suất quá hạn là phù hợp với quy định tại mục 22, 23 của Bảng điều kiện và điều khoản sử dụng thẻ tín dụng. Vì vậy có cơ sở chấp nhận tiền lãi suất quá hạn nguyên đơn yêu cầu từ ngày 31/8/2011 đến ngày 20/6/2023 là 178.421.464 đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T phát biểu ý kiến đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp, đúng quy định nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Án phí dân sự sơ thẩm: Do chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 92; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; khoản 1, khoản 2 Điều 269; Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 40, 463 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 91 và Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ Luật Phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã sửa đổi, bổ sung năm 2014),

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần SGTT về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" đối với ông Nguyễn Hữu Hoàng H;

Ông Nguyễn Hữu Hoàng H có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần SGTT số tiền nợ 216.646.236 (hai trăm mười sáu triệu sáu trăm bốn mươi sáu nghìn hai trăm ba mươi sáu) đồng (gồm nợ gốc 38.224.772 đồng và tiền lãi 178.421.464 đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng sử dụng thẻ tín

dụng quốc tế ngày 15/5/2008 và Bảng Điều kiện và điều khoản phát hành và sử dụng thẻ tín dụng đính kèm hợp đồng. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của ngân hàng cho vay thì lãi suất sẽ được tiếp tục điều chỉnh tại giai đoạn thi hành án.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Nguyễn Hữu Hoàng H phải chịu 10.832.312 (mười triệu tám trăm ba mươi hai nghìn ba trăm mười hai) đồng án phí dân sự sơ thẩm, nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngân hàng Thương mại Cổ phần SGTT được nhận lại 5.014.482 (năm triệu không trăm mười bốn nghìn bốn trăm tám mươi hai) đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số AA/2022/0006247 ngày 17/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Quyền và thời hạn kháng cáo:

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hánh án theo quy định tại các Điều 6; 7; 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- VKSND Tp.Thủ Đức;
- CCTHADS Tp. Thủ Đức;
- Đương sự;
- Lưu: VP, Hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Trần Ngọc Khánh